

Bản án số: 61/2019/HNGĐ-ST

Ngày 27/12/2019

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C - TỈNH QUẢNG NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quynh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Thủy và bà Bàng Thị Hồng

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa: Bà Phạm Bích Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2019, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 399/2019/ TLST – HNGĐ ngày 23/9/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 10/12/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: xxxx; ĐKKHKT tại: Tổ B, khu A2, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh – Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Phạm Ngọc T, sinh năm: xxxx; ĐKKHKT tại: Tổ B, khu A2, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh – Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2019, lời tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N điều trình bày: Chị và anh Phạm Ngọc T kết hôn và năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống cùng nhà với mẹ chồng tại tổ B, khu A2, phường C, thành phố C, cuộc sống chung của vợ chồng chị chỉ hạnh phúc một thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn nhưng đến năm 2018 thì mâu thuẫn xảy ra trầm trọng hơn. Nguyên nhân là do tính cách của anh chị không hợp nhau, không bàn bạc được vấn đề gì đi đến thống nhất, sau này chị còn phát hiện anh T ham chơi cờ bạc, rượu chè làm ảnh

hưởng đến kinh tế gia đình nhưng vì thương con còn nhỏ chị cũng đã bỏ qua và khuyên can nhưng anh T không thay đổi mà còn có thái độ không đúng mực với chị. Chị thấy anh T không ghi nhận tình cảm của chị nên chị không thể tiếp tục cuộc sống chung với anh T. Từ tháng 10/2018 chị đã quyết định sống ly thân với anh T, chị mang cả hai con về gia đình nhà ngoại để ở, anh chị chỉ liên lạc với nhau để hỏi thăm về các con chứ không gặp nhau để bàn bạc về việc hàn gắn tình cảm. Mâu thuẫn vợ chồng chị đã được tổ dân phố và gia đình hai bên hòa giải nhưng cũng không đạt kết quả mà còn trầm trọng hơn, tình cảm của chị dành cho anh T không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

+ Về con chung: Chị và anh Phạm Ngọc T có 02 con chung là Phạm Gia P, sinh ngày xx/x/xxxx và Phạm Minh T, sinh ngày xx/xx/xxxx. Từ khi vợ chồng chị sống ly thân các con chung đã ở cùng với chị, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cả hai con chung đều có nguyện vọng được chị nuôi dưỡng các con lại muốn ở cùng với nhau khi bố mẹ ly hôn. Hiện nay anh T đi làm thời gian, giờ giấc làm việc không đảm bảo để đưa đón và chăm sóc con nên để đảm bảo sự ổn định học tập và sinh hoạt cho các con chị không đồng ý để anh T nuôi dưỡng con chung Phạm Gia P. Chị có sự giúp đỡ của bố mẹ để trong việc chăm sóc, đưa đón các con khi chị đi làm và đảm bảo được các điều kiện về chỗ ở, sinh hoạt và học tập của các con chung nên đề nghị Tòa án giải quyết để chị được nuôi dưỡng cả hai con chung. Hiện nay chị làm nhân viên tại Công ty TNHH N, có thu nhập bình quân từ 07 triệu đồng/tháng và còn bán hàng qua mạng có thu nhập đảm bảo nuôi các con nên chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho các con.

+ Về tài sản chung: Chị và anh T tự thỏa thuận chia, không đề nghị Tòa án giải quyết; Công nợ chung: Không có.

* Tại lời tự khai, tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn Phạm Ngọc T đều trình bày: Về thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn của vợ chồng anh đúng như chị N đã trình bày ở trên. Vợ chồng anh sau khi kết hôn hạnh phúc cho đến năm 2018 thì mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do Công ty anh làm ăn khó khăn, thu nhập của anh làm ra không đảm bảo cho cuộc sống gia đình, khi anh đưa lương về ít hơn chị N có thái độ không đúng với anh khiến vợ chồng xảy ra cãi vã, xô xát. Sự việc xảy ra nhiều lần khiến anh cảm thấy mệt mỏi, chán nản. Mâu thuẫn vợ chồng anh đã được gia đình, khu phố hòa giải nhưng không đạt kết quả, anh chị đã quyết định sống ly thân từ tháng 10/2018 đến nay, trong quá trình sống ly thân anh cũng đã nói chuyện với chị N để hàn gắn mâu thuẫn nhưng chị N kiên quyết muốn ly hôn nên mâu thuẫn vợ chồng anh không khắc phục được. Đến nay anh cũng không còn tình cảm dành cho chị N nên chị N xin ly hôn chị hoàn toàn nhất trí.

+ Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung đúng như chị N đã trình bày ở trên. Quan điểm của anh khi Tòa án giải quyết cho ly hôn, mặc dù các con chung đều muốn ở với chị N nhưng vì thu nhập của chị N không đảm bảo để nuôi dưỡng cả hai con chung được tốt nên anh muốn mỗi người nuôi 01 con chung, anh nuôi dưỡng con trai là Phạm Gia P, chị N nuôi dưỡng con chung là Phạm Minh T, mỗi người nuôi một con chung nên không ai phải cấp dưỡng cho con. Anh không đồng ý

đề chị N nuôi dưỡng cả hai con chung, hiện nay anh làm công nhân tại Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Đ, thu nhập bình quân 8 triệu đồng/tháng, đảm bảo được điều kiện nuôi dưỡng con chung phát triển tốt nhất.

+ Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận chia, không đề nghị Tòa án giải quyết; Công nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C có ý kiến cho rằng Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Xác định đúng quan hệ tranh chấp và áp dụng các quy định của pháp luật giải quyết vụ án chính xác. Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C nhận thấy, yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận, tuy nhiên về tranh chấp nuôi con đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định theo nguyện vọng của nguyên đơn - chị Nguyễn Thị N để đảm bảo sự ổn định phát triển và tâm sinh lý của các con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị N yêu cầu xin ly hôn với anh Phạm Ngọc T hiện cư trú tại địa bàn thành phố C nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết với quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Nga và anh Phạm Ngọc Thạch là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cửa Ông, thành phố Cẩm Phả vào năm 2006. Cuộc sống chung của anh chị bình thường đến năm 2018 thì có mâu thuẫn xảy ra, mặc dù nguyên nhân anh chị trình bày là khác nhau nhưng có căn cứ để xác định giữa chị N và anh T đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng: Chị N cho rằng nguyên nhân chính là do anh T ham chơi cờ bạc, rượu chè làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã xô xát khiến không khí gia đình thêm trầm trọng căng thẳng. Anh T thì cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do Công ty anh làm kinh tế khó khăn, thu nhập của anh không đảm bảo cho cuộc sống gia đình nên chị N không tôn trọng anh, thường có những lời nói, hành động xúc phạm đến anh khiến vợ chồng xảy ra cãi vã, xô xát, sự việc xảy ra nhiều lần khiến anh thấy mệt mỏi chán nản nên không muốn tiếp tục cuộc sống chung với chị N nữa. Do mâu thuẫn trầm trọng nên từ tháng 10/2018 anh chị quyết định sống ly thân nhau, anh T vẫn ở tại nhà cũ còn chị N mang 02 con về gia đình nhà ngoại để ở, mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình và khu phố hòa giải nhưng không đạt kết quả, sự tin tưởng dành cho nhau không còn, quá trình sống ly thân anh chị cũng không gặp nhau để bàn bạc khắc phục tình cảm vợ chồng.

Lời khai của chị N và anh T về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn cũng phù hợp với: Kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của anh chị tại nơi cư trú và lời khai của con chung anh chị. Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N và anh T.

+ Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Ngọc T có hai con chung là Phạm Gia P, sinh ngày xx/x/xxxx và Phạm Minh T, sinh ngày xx/xx/xxxx. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị N đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung và đều không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Anh T có nguyện vọng mỗi người nuôi một con chung, anh nuôi dưỡng con chung Phạm Gia P, chị N nuôi dưỡng con chung Phạm Minh T, không ai phải cấp dưỡng cho con chung. Hội đồng xét xử xét về điều kiện nuôi dưỡng con chung thì cả chị N và anh T đều có đủ điều kiện nuôi dưỡng các con, anh chị đều có việc làm và thu nhập bình quân ổn định, có xác nhận của các đơn vị chủ quản. Tuy nhiên, xét về thời gian chăm sóc con của chị N và anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án anh T thừa nhận từ khi sống ly thân, chị N là người nuôi dưỡng, chăm sóc các con, các con vẫn được học tập, phát triển khỏe mạnh, anh cũng thừa nhận trong thời gian sống ly thân anh không đóng góp nuôi con cùng chị N vì khi anh đưa tiền thì chị N tỏ ý coi thường, không trân trọng. Tại phiên tòa anh T cho rằng chị N thu nhập thấp nên vẫn giữ quan điểm không đồng ý để chị N nuôi dưỡng cả hai con chung, tuy nhiên anh T cũng thể hiện quan điểm về mặt pháp luật thì anh mong muốn được nuôi một con chung nhưng về thực tế anh vẫn để chị N được nuôi dưỡng cả hai con chung vì hiện nay cả hai con chung đều đang ở với chị N nên anh muốn đảm bảo sự ổn định cho việc học tập, sinh hoạt cũng như tâm lý của các con.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành xác minh tại đơn vị nơi anh T công tác thấy rằng: Với đặc thù tính chất công việc của đơn vị phải đảm bảo tiến độ công việc cho khách hàng nên hầu hết các công nhân của phân xưởng cơ khí thường xuyên phải theo tàu ra biển để sửa chữa hoặc đóng mới, giờ làm việc phải đi sớm, về muộn, nhiều khi còn phải tăng ca đến 7 – 8 giờ tối mới được về. Ngoài ra, Tòa án còn tiến hành xác minh, tham khảo ý kiến tại địa phương, nơi chị N và các con sinh sống, thấy rằng: Từ khi sống ly thân với anh T, chị N trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, trong quá trình chung sống tại địa phương không bị xử phạt hành chính về hành vi ngược đãi hai con chung hay bị phản ánh về hành vi đánh đập, xúc phạm con chung. Hai con chung của anh chị vẫn được đi học và phát triển bình thường, chị N đi làm thì có sự giúp đỡ của bố mẹ chị N chăm sóc các con của anh chị.

Quá trình giải quyết vụ án, chị N cũng đều giữ quan điểm tha thiết được nuôi dưỡng các con chung, chị cũng khẳng định từ khi sống ly thân với anh T các con được học tập, phát triển tốt, chị có chỗ ở đảm bảo, không có hành vi bạo lực trong quá trình nuôi dưỡng các con chung. Cả hai con chung của anh chị đều có nguyện vọng “.....được mẹ nuôi dưỡng và đã quen ở cùng với nhau, bảo ban nhau học tập. Trong thời gian ở với mẹ và ông bà ngoại, cháu được sự quan tâm yêu thương của

ông bà ngoại và mẹ, cháu được đi học và tạo mọi điều kiện tốt. Bố cháu công việc bận rộn nên không thể chăm sóc cháu tốt như ông bà ngoại và mẹ được....”. Con chung của anh chị còn có quan điểm “Từ lúc bố mẹ không ở cùng một nhà, bố cháu chưa bao giờ lên nhà ông bà ngoại chơi với hai anh em cháu mà cháu cùng với anh trai đi xuống nhà bà nội hoặc bà nội đón về chơi....”.

Như vậy, căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian sống ly thân, anh T cũng chưa thực sự quan tâm đến các con, không đóng góp tiền để cùng chị N nuôi con, cả hai con chung của anh chị đã quen sống chung với nhau nên tách ra hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng các cháu sẽ làm thay đổi môi trường học tập, sinh sống gây ảnh hưởng không tốt về tâm lý, tình cảm của cả hai con chung của anh chị. Do đó, không chấp nhận yêu cầu mỗi người nuôi một con chung của anh T khi ly hôn và thấy cần thiết giao cả hai con chung cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với nguyện vọng của các con, khả năng nuôi dưỡng con chung của chị N cũng như đảm bảo được các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển về thể chất, tinh thần, việc học tập, môi trường sống ổn định của các con chung của anh chị.

Do chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con nên anh T không phải cấp dưỡng cho con chung, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận chia, không đề nghị Tòa án giải quyết; Công nợ chung: Không có.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Nga phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 277 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Ngọc T.

2. Về con chung: Giao cả hai con chung là Phạm Gia P, sinh ngày xx/x/xxxx và Phạm Minh T, sinh ngày xx/xx/xxxx cho chị Nguyễn Thị N có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Phạm Ngọc T không phải cấp dưỡng cho con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp ngày xx/x/xxxx theo biên lai số: 000xxxx tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- UBND phường C;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA – VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Quynh

